

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của
Hội Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

- Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội,

- Căn cứ Nghị định 181/CP ngày 9/11/1994 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (Nay là Bộ Nội vụ),

- Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 02/03/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc uỷ nhiệm Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (Nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) cho phép thành lập Hội,

- Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt bản Điều lệ của Hội Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi Việt Nam đã được Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III ngày 22 tháng 3 năm 2002 thông qua.

Điều 2: Chủ tịch Hội Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Lưu VT, TCPCP.

Phu

K/T BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

THỦ TRƯỞNG



nghe
Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ HỘI KHOA HỌC KỸ THUẬT CHĂN NUÔI VIỆT NAM

CHƯƠNG I TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH

ĐIỀU 1 : Hội Khoa học và Kỹ thuật Chăn nuôi Việt Nam gọi tắt là “ Hội Chăn nuôi Việt Nam “ là một tổ chức quần chúng tự nguyện của công dân và tổ chức Việt Nam hoạt động về khoa học, công nghệ và kinh tế, quản lý trong ngành chăn nuôi.

ĐIỀU 2 : Mục đích của Hội là tập hợp đoàn kết rộng rãi mọi công dân và các tổ chức Việt Nam làm về chăn nuôi trên lãnh thổ Việt nam, tiếp cận với kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao trình độ, phổ biến kiến thức, chuyển giao công nghệ phục vụ và nâng cao năng suất, chất lượng các vật nuôi, đẩy mạnh phong trào chăn nuôi, thiết thực cải thiện đời sống nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái và góp phần xoá đói giảm nghèo, làm giàu đất nước.

ĐIỀU 3 : Hội Chăn nuôi Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước, là Hội thành viên của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Hoạt động của Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, tuân thủ Luật pháp của Nhà nước.

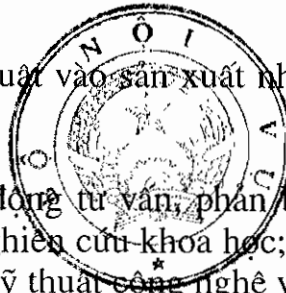
Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng. Trụ sở chính của Hội đặt tại Thủ đô Hà Nội và có Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG II NHIỆM VỤ CỦA HỘI

ĐIỀU 4 : Hội Chăn nuôi Việt Nam có các nhiệm vụ chính:

1. Tập hợp đoàn kết, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Hội viên hành nghề Chăn nuôi Thú y, giúp đỡ nhau trong nghiên cứu sản xuất, chế biến, tiêu thụ

sản phẩm và đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nhằm phục vụ nâng cao hiệu suất chăn nuôi.



2. Hội tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện, giám định, các dự án phát triển kinh tế, các đề tài nghiên cứu khoa học; tham gia đề tài nghiên cứu ứng dụng phổ biến kiến thức, kỹ thuật công nghệ về chăn nuôi; Khuyến khích ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, tổ chức hướng dẫn phát triển chăn nuôi; tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cho Hội viên và người chăn nuôi góp phần làm tăng nhanh sản phẩm xã hội và thu nhập của Hội viên.

3. Tổ chức hệ thống mạng lưới phổ biến kiến thức và chuyển giao công nghệ, gắn với liên doanh liên kết các dự án, hợp đồng kinh tế kỹ thuật, tổ chức các cơ sở sản xuất, dịch vụ khoa học, cung cấp giống, vật tư chăn nuôi thú y theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức sinh hoạt, học tập, tham quan, khảo sát về nghề nghiệp và hội thảo khoa học phối hợp tổ chức đúc kết, kinh nghiệm về nghiệp vụ chuyên môn và các điển hình chăn nuôi tốt nhằm không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật chăn nuôi cho Hội viên và người chăn nuôi.

5. Hội đại diện cho nguyện vọng và quyền lợi hợp pháp cho Hội viên, kiến nghị với Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chủ trương, chính sách để phát triển nghề chăn nuôi.

6. Quan hệ với các Hội khoa học và Kỹ thuật khác trong nước và các Hội chăn nuôi trên thế giới nhằm mục đích trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ sự giúp đỡ về chuyên môn, tập huấn, chuyển giao công nghệ và các hoạt động khác của Hội, nhằm tăng thêm sự hiểu biết và nâng cao năng lực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

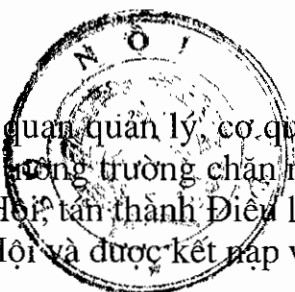
CHƯƠNG III

HỘI VIÊN

ĐIỀU 5 : Công dân Việt nam làm công tác quản lý nghiên cứu giảng dạy về chăn nuôi và sản xuất chăn nuôi trên lãnh thổ Việt nam, tán thành Điều lệ Hội, có đơn xin gia nhập Hội được hội kết nạp thành Hội viên.

Hội viên của Hội gồm : Hội viên cá nhân, Hội viên tập thể và Hội viên danh dự.

1. Hội viên cá nhân là công nhân Việt Nam quan tâm đến lĩnh vực chăn nuôi, tự nguyện hoạt động cho Hội, tán thành Điều lệ Hội, làm đơn gia nhập Hội và được kết nạp vào Hội.



2. Hội viên tập thể là các cơ quan quản lý, cơ quan khoa học, trường học, các tổ chức sản xuất kinh doanh (công trường chăn nuôi, trang trại chăn nuôi, v.v...) tự nguyện hoạt động cho Hội, tán thành Điều lệ của Hội, do người đứng đầu thay mặt làm đơn gia nhập Hội và được kết nạp vào Hội gọi là chi Hội.

3. Hội viên danh dự là những người có nhiều đóng góp cho công tác chăn nuôi ở Việt Nam và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của Hội; được Ban chấp hành Trung ương Hội mời tham gia Hội.

Ban Chấp hành Trung ương Hội quy định chi tiết các thủ tục kết nạp Hội viên. Hội viên danh dự không được tham gia ứng cử, đề cử vào Ban lãnh đạo Hội và biểu quyết các vấn đề của Hội.

ĐIỀU 6 : Hội viên có nhiệm vụ:

1. Chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác chăn nuôi. Chấp hành các Chỉ thị, Nghị quyết của Hội và Điều lệ Hội.

2. Học tập nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ chăn nuôi

3. Tích cực tham gia hoạt động Hội, xây dựng Hội, tuyên truyền phát triển Hội viên. Đóng Hội phí và lệ phí gia nhập Hội.

ĐIỀU 7: Hội viên có quyền lợi:

1. Tham gia hội họp, thảo luận góp ý kiến chất vấn, phê bình và có kiến nghị trong các mặt công tác của Hội.

2. Tùy theo điều kiện cụ thể và khả năng của Hội sẽ được bồi dưỡng, nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, được giúp đỡ thực hiện những sáng kiến, phát minh, các công trình nghiên cứu khoa học và ứng dụng các tiến bộ chăn nuôi vào sản xuất.

3. Được bầu cử, ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội

4. Được cấp thẻ Hội viên.

5. Khi xét thấy không có điều kiện hoạt động và sinh hoạt trong tổ chức Hội, có thể tự nguyện làm đơn xin ra khỏi hội.

CHƯƠNG IV



ĐIỀU 8 : Hội Chăn nuôi Việt Nam hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, tự nguyện, tự quản và tự trang trải kinh phí.

Tổ chức của Hội gồm :

Ở Trung ương : Hội Chăn nuôi Việt Nam

Ở tỉnh, thành phố trực thuộc T W (sau đây gọi chung là tỉnh): Hội Chăn nuôi tỉnh.

Ở cơ sở : Chi Hội

Ở tỉnh nếu có nhu cầu thì thành lập Hội Chăn nuôi tỉnh. Việc thành lập do Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Pháp luật. Hội ở tỉnh tán thành Điều lệ của Hội Chăn nuôi Việt Nam, làm đơn xin gia nhập thì được công nhận là Hội thành viên. Các Hội thành viên đều có Điều lệ riêng trên cơ sở tôn trọng Điều lệ của Hội Chăn nuôi Việt nam.

ĐIỀU 9: Đại hội đại biểu toàn quốc.

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại Hội Đại biểu toàn quốc, thường kỳ 05 năm tổ chức Đại Hội một lần.

Đại Hội có thể họp bất thường khi có yêu cầu ít nhất quá nửa số Hội viên và chi Hội trực thuộc hoặc 2/3 số Ủy viên Ban Chấp hành quyết định. Số lượng, cơ cấu đại biểu dự Đại Hội Toàn quốc do Thường vụ quyết định.

Đại Hội Đại biểu toàn quốc có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Thông qua báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội
 2. Quyết định nhiệm vụ và phương hướng công tác của Hội
 3. Quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Hội
 4. Bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội
- Số lượng Ủy viên Ban Chấp hành do Đại Hội quyết định.

ĐIỀU 10: Ban chấp hành Trung ương Hội.

Cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại Hội là Ban Chấp hành Trung ương do Đại Hội bầu ra, cơ cấu Ban chấp hành do đại hội quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương Hội mỗi năm họp một lần và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Thường vụ hoặc ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành. Ban Chấp hành Trung ương Hội có nhiệm vụ :

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại Hội toàn quốc
2. Bầu Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Tổng thư ký.
3. Xây dựng chương trình hoạt động của Ban chấp hành hàng năm và cả nhiệm kỳ, tổ chức thực hiện nội dung công việc đã được Ban chấp hành thông qua.

4. Chuẩn bị văn kiện đại hội, triệu tập đại hội nhiệm kỳ và bất thường khi thấy cần thiết.

ĐIỀU 11: Ban thường vụ.

Cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương Hội là Ban Thường vụ, gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên Thường vụ. Ban Chấp hành Hội bầu các chức danh trên.

Tổng số thành viên Ban Thường vụ không quá 1/5 tổng số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Nhiệm vụ của Ban thường vụ:

- Kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chương trình công tác của các Ban, các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội và các Ban Chấp hành Hội thành viên, các chi Hội trực thuộc.

- Chuẩn bị báo cáo cho các cuộc họp Ban Chấp hành Trung ương Hội.

- Quyết định các vấn đề về nhân sự của Hội theo quy định của điều lệ.

ĐIỀU 12: Nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó chủ tịch:

Nhiệm vụ của Chủ tịch.

- Là đại diện pháp nhân của Hội trước Pháp luật

- Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại Hội, của Hội nghị Ban Chấp hành và Ban Thường vụ.

- Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Trung ương Hội.

- Bổ nhiệm nhân sự Văn phòng Hội, các Ban chức năng và các tổ chức khác do Hội thành viên thành lập.

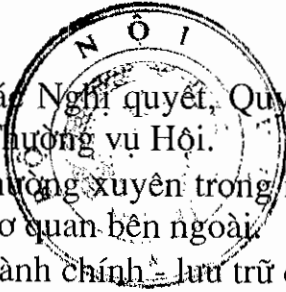
- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương và toàn thể Hội thành viên về các hoạt động của Hội.

Các Phó Chủ tịch Hội là những người giúp việc cho Chủ tịch Hội, được Chủ tịch phân công phụ trách từng lĩnh vực và được uỷ quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

ĐIỀU 13: Văn phòng Trung ương Hội.

Cơ quan giúp việc Ban Chấp hành Trung ương là Văn phòng Hội do Tổng Thư ký Hội phụ trách.

1. Văn phòng Hội có nhiệm vụ và quyền hạn sau :

- 
- Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ Hội.
 - Bảo đảm thông tin thông xuyên trong nội bộ Hội và quan hệ công tác của Hội với các cơ quan bên ngoài.
 - Thực hiện công tác hành chính - lưu trữ của Hội.
 - Quản lý tài sản của Hội.
 - Thực hiện công tác tài vụ của Hội theo các Quy định hiện hành.

2. Tổng Thư ký Hội là người giúp việc Chủ tịch giải quyết các công việc do Chủ tịch Hội phân công và trực tiếp phụ trách Văn phòng.

ĐIỀU 14: Ban kiểm tra:

Ban Chấp hành bầu ra Ban Kiểm tra của Hội. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm tra:

1. Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đại Hội, Điều lệ, Quy chế và Chương trình công tác hàng năm của Hội.
2. Kiểm tra Hội viên cá nhân, Hội viên tập thể trong các hoạt động để biểu dương, khen thưởng, đồng thời phát hiện khi có dấu hiệu vi phạm Điều lệ, các hiện tượng tiêu cực để Hội kịp thời chấn chỉnh.
3. Kiểm tra các hoạt động kinh tế tài chính và các hoạt động khác của Hội và các tổ chức trực thuộc.
4. Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố.

ĐIỀU 15 : Chi Hội.

Mỗi cơ quan, xí nghiệp, nông trường, trường học, trạm trại, có từ 5-6 người trở lên có thể thành lập Chi Hội. Chi Hội là tổ chức cơ sở của Hội. Ban lãnh đạo cao nhất của Chi Hội là Đại Hội toàn thể Chi Hội, 02 năm Đại Hội một lần, có thể triệu tập Đại Hội bất thường khi có nhu cầu.

ĐIỀU 16: Chi Hội có nhiệm vụ:

1. Chỉ đạo các hoạt động khoa học kỹ thuật, thực hiện đầy đủ quy chế, Điều lệ của chi Hội và Trung ương Hội Chăn nuôi Việt Nam.
2. Tuyên truyền phát triển Hội viên mới. Bồi dưỡng giáo dục, giúp đỡ Hội viên. Thu Hội phí đều đặn.
3. Tổ chức sinh hoạt học thuật, chuyển giao kỹ thuật. Tổ chức tham quan, khảo sát, tập huấn.

4. Vận động quần chúng hưởng ứng các hoạt động phổ biến khoa học và kỹ thuật, mở rộng ảnh hưởng uy tín của Hội. Tổ chức câu lạc bộ sinh hoạt chuyên môn, văn hoá giải trí, kỷ niệm các nhà khoa học chăn nuôi có tên tuổi đã quá cố. Thăm hỏi, mừng thọ các nhà chăn nuôi lão thành và đề giúp đỡ hỗ trợ và trao đổi kinh nghiệm cùng nhau góp sức phát triển chăn nuôi.

ĐIỀU 17: Chi Hội có nhiều Hội viên thì tùy theo tính chất chuyên môn hoặc địa dư công tác, chia thành nhiều Phân Hội, mỗi Phân Hội ít nhất 03 Hội viên trở lên. Phân Hội bầu ra Phân Hội trưởng, Phân Hội phó và Phân Hội 03 tháng họp một lần.

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH - TÀI SẢN CỦA HỘI

ĐIỀU 18: Hội tự túc kinh phí hoạt động. Các nguồn thu của Hội lập thành quỹ của Hội, gồm các khoản sau đây:

1. Lệ phí gia nhập Hội và Hội phí của Hội viên.
2. Các khoản thu từ hoạt động khoa học công nghệ và các dịch vụ khác.
3. Các tài trợ của các cơ quan, các đoàn thể, cá nhân người Việt nam ở trong nước và nước ngoài bằng hiện vật, ngoại tệ theo quy định của Pháp luật.
4. Các nguồn thu khác của Hội.

Các nguồn tài chính trên Hội sẽ sử dụng chi theo các hoạt động của Hội bao gồm : tiền lương phụ cấp cho cán bộ thường trực tại Văn phòng Hội, hội họp hàng năm của Ban Chấp hành khen thưởng và một số chi tiêu khác v.v... (có quy định riêng).

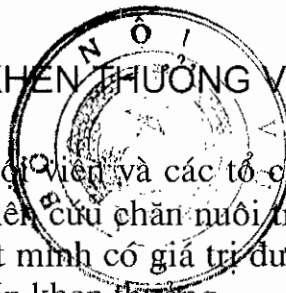
ĐIỀU 19: Tài sản của Hội gồm bất động sản (nếu có), động sản và tiền thuộc sở hữu của Hội.

Tài sản của Hội được quản lý và sử dụng cho các hoạt động của Hội theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Hội và quy định của Nhà nước.

Khi Hội giải thể, toàn bộ tài sản của Hội được chuyển giao cho Nhà nước.

ĐIỀU 20: Tài chính của Hội được quản lý thống nhất, sử dụng theo quy định của Nhà nước và được báo cáo công khai trong các kỳ họp của Đại Hội hoặc Hội nghị Ban Chấp hành.

CHƯƠNG VI



KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

ĐIỀU 21: Những Hội viên và các tổ chức của Hội có thành tích xuất sắc, có các công trình nghiên cứu chăn nuôi triển khai đạt hiệu quả trong sản xuất, những sáng kiến phát minh có giá trị được Hội xem xét khen thưởng và đề nghị các cấp chính quyền khen thưởng.

ĐIỀU 22: Hội viên nào hoạt động trái với Điều lệ, Nghị quyết, vi phạm các quy định, quy chế của Hội hoặc làm tổn hại đến danh dự, uy tín của Hội, tùy theo mức độ nặng nhẹ, bị khiển trách, cảnh cáo hoặc khai trừ khỏi Hội.

Khi Hội viên bị toà án tước quyền công dân, đương nhiên xoá tên trong danh sách Hội viên.

CHƯƠNG VII

HIỆU LỰC VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 23: Bản Điều lệ này gồm 7 chương, 26 điều đã được Đại Hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III ngày 22 tháng 03 năm 2002 của Hội Chăn nuôi Việt Nam thông qua và có hiệu lực khi được Bộ Nội vụ phê duyệt.

ĐIỀU 24: Chỉ có Đại Hội Đại biểu Toàn quốc của Hội Chăn nuôi Việt Nam mới có quyền bổ sung và sửa đổi Điều lệ này.

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2002
HỘI CHĂN NUÔI VIỆT NAM